

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án sản xuất nhựa dẻo, nhựa gia cố sợi thủy tinh, nhựa gia cố sợi carbon và công cụ phục vụ trong ngành công nghiệp ô tô và nội thất (giai đoạn 1) tại lô NM-04.1, Khu Công nghiệp Tam Thăng 2, xã Tam Thăng, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án sản xuất nhựa dẻo, nhựa gia cố sợi thủy tinh, nhựa gia cố sợi carbon và công cụ phục vụ trong ngành công nghiệp ô tô và nội thất (giai đoạn 1) tại lô NM-04.1, Khu Công nghiệp Tam Thăng 2, xã Tam Thăng, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 17.6/CVCS-ĐTM ngày 17/6/2021 và Công văn số 26.7/CVCS-ĐTM ngày 26/7/2021 của Công ty TNHH OKE Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 651/TTr-STNMT ngày 18/8/2021 và hồ sơ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án sản xuất nhựa dẻo, nhựa gia cố sợi thủy tinh, nhựa gia cố sợi carbon và công cụ phục vụ trong ngành công nghiệp ô tô và nội thất (giai đoạn 1) với tổng diện tích là 35.754m² tại lô NM-04.1, Khu Công nghiệp Tam Thăng 2, xã Tam Thăng, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam (sau đây viết tắt là Dự án) do Công ty TNHH OKE Việt Nam làm Chủ dự án với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo quy định pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Điều 25, Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 4. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh, UBND thành phố Tam Kỳ và các Sở, ngành liên quan kiểm tra, thanh tra, giám sát Chủ dự án trong việc thực hiện nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt; kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Dự án; kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý khi Chủ dự án vi phạm quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương; Trưởng Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Tam Kỳ; Chủ tịch UBND xã Tam Thăng; Giám đốc Công ty TNHH OKE Việt Nam; thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng PC05;
- Phòng TN&MT thành phố Tam Kỳ;
- Lưu: VT, KTN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Tân

Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường này đã được đăng ký Nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam.

Số đăng ký: ĐK/ĐTM ngày tháng năm 2021

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
GIÁM ĐỐC**



Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN SẢN XUẤT NHỰA ĐẪO, NHỰA GIA CỐ SỢI THỦY TINH, NHỰA GIA CỐ SỢI CARBON VÀ CÔNG CỤ PHỤC VỤ TRONG NGÀNH CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VÀ NỘI THẤT (GIAI ĐOẠN 1)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /8/2021
của UBND tỉnh Quảng Nam)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Các thông tin về Dự án

- Tên Dự án đầu tư: Dự án sản xuất nhựa dẻo, nhựa gia cố sợi thủy tinh, nhựa gia cố sợi carbon và công cụ phục vụ trong ngành công nghiệp ô tô và nội thất (giai đoạn 1).
- Địa điểm thực hiện Dự án: lô NM-04.1, Khu Công nghiệp Tam Thăng 2, xã Tam Thăng, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.
- Chủ dự án: Công ty TNHH OKE Việt Nam.
- Địa chỉ liên hệ: số 91 Nguyễn Hữu Cảnh, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Phạm vi Dự án

Dự án sản xuất nhựa dẻo, nhựa gia cố sợi thủy tinh, nhựa gia cố sợi carbon và công cụ phục vụ trong ngành công nghiệp ô tô và nội thất (giai đoạn 1) tại lô NM-04.1, Khu Công nghiệp Tam Thăng 2, xã Tam Thăng, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, tổng diện tích Dự án là 35.754m² có tứ cận như sau:

- Phía Đông Bắc: giáp lô đất MN-03 của Khu Công nghiệp (KCN) Tam Thăng 2.
- Phía Đông Nam: giáp lô đất của Công ty TNHH MTV Khải Trình Quảng Nam và khu đất quy hoạch cây xanh của KCN Tam Thăng 2.
- Phía Tây Bắc: giáp khu đất trống KCN Tam Thăng 2.
- Phía Tây Nam: giáp đường nội bộ KCN Tam Thăng 2.

1.3. Quy mô, công suất của Dự án

- Quy mô diện tích đất thực hiện Dự án: 35.754m².
- Quy mô công suất giai đoạn 1: sản xuất nhựa dẻo, nhựa gia cố sợi thủy tinh, nhựa gia cố sợi carbon cho ngành công nghiệp ô tô và nội thất với công suất sản xuất 16.000.000 mét sản phẩm/năm, tương đương 1.600 tấn/năm.
- Phạm vi lập Báo cáo ĐTM: đánh giá các tác động và đề xuất biện pháp giảm thiểu tác động do việc đầu tư thi công xây dựng và hoạt động của dây chuyền sản xuất sản phẩm giai đoạn 1 của Dự án.

- Cơ cấu sử dụng đất:

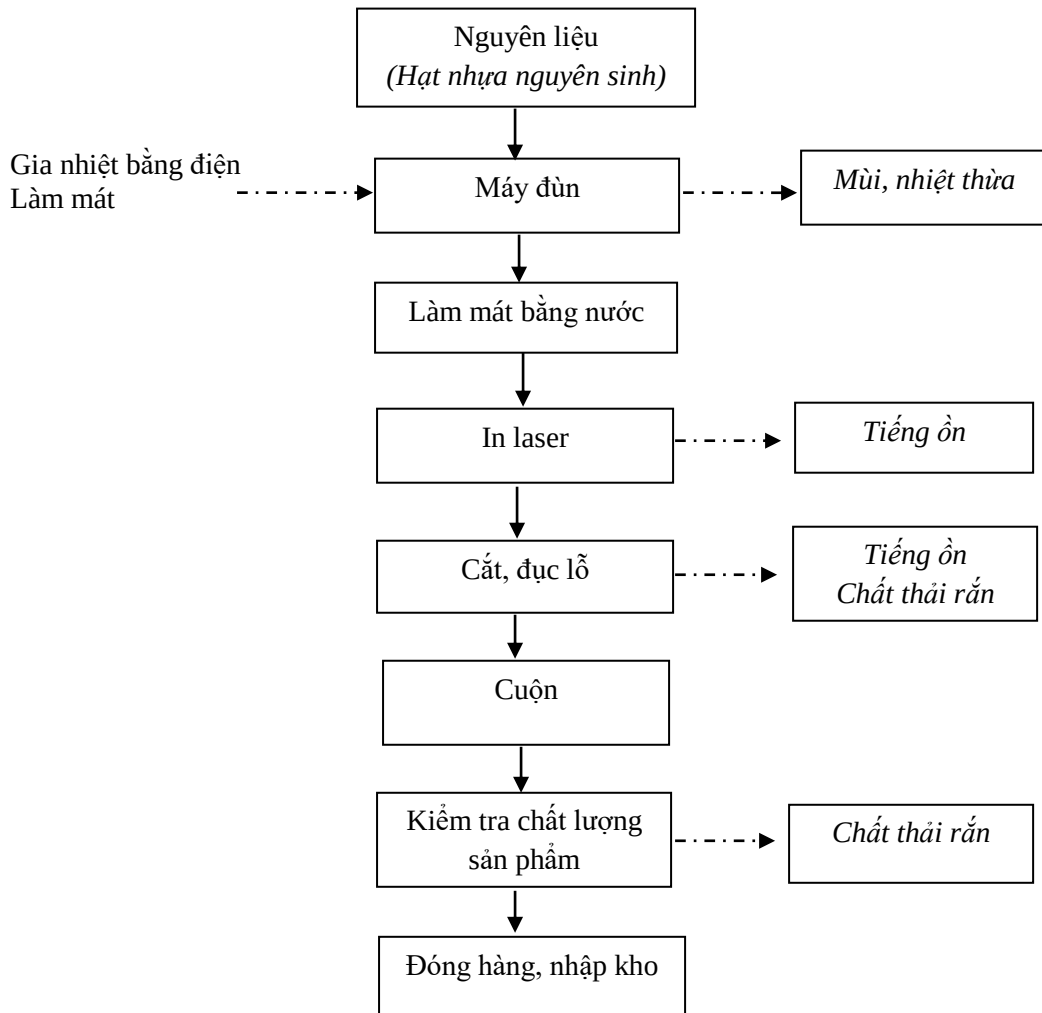
TT	Hạng mục	Giai đoạn 1		Giai đoạn 2		Toàn bộ dự án	
		Diện tích (m ²)	Tỉ lệ	Diện tích (m ²)	Tỉ lệ	Diện tích (m ²)	Tỉ lệ
1	Diện tích xây dựng	4.033,9	11,28	13.485	37,72	17.499,1	48,94
2	Diện tích giao thông	4.021,9	11,25	5.558	15,55	9.579,9	26,79
3	Diện tích cây xanh	2.238,2	6,26	6.417	17,95	8.675,0	24,26
Tổng cộng		10.294	28,79	25.460	71,21	35.754	100

1.4. Các hạng mục của Dự án

STT	Tên hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)
	Giai đoạn 1	
I	Hạng mục công trình chính	
1	Nhà xưởng sản xuất	3.500
II	Hạng mục công trình phụ trợ	
2	Nhà bảo vệ	42
3	Nhà xe	308
4	Bãi xe chuyên gia	55
5	Nhà điện	30,3
6	Phòng bơm	30,8
7	Bể nước ngầm 767m ³	-
8	Giao thông, sân bãi	4.021,9
III	Hạng mục công trình bảo vệ môi trường	
9	Trạm xử lý nước thải tập trung	19,8
10	Nhà chứa rác thải sinh hoạt	16
11	Nhà chứa rác thải sản xuất	16
12	Nhà chứa rác thải nguy hại	16
13	Hệ thống thu gom và thoát nước thải	-
14	Hệ thống thu gom và thoát nước mưa	-
15	Hệ thống phòng cháy chữa cháy (PCCC)	-
16	Cây xanh	2.238,2

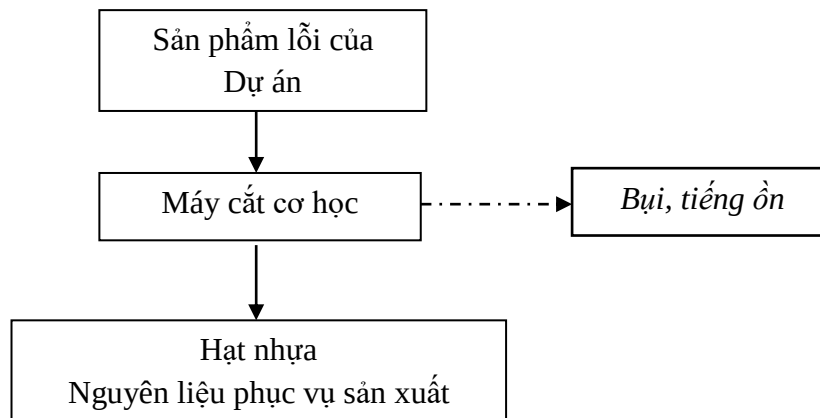
1.5. Công nghệ sản xuất

- Sơ đồ quy trình sản xuất sản phẩm của Dự án (giai đoạn 1):



* Ghi chú: Máy đùn là thiết bị khép kín

- Sơ đồ quy trình tái chế sản phẩm lỗi:



* Ghi chú: Máy cắt là thiết bị khép kín

1.6. Nguyên liệu trong hoạt động sản xuất

- Khi Dự án đi vào hoạt động, nguồn nguyên liệu cho Dự án chủ yếu là nguyên liệu nhập khẩu để đảm bảo tính ổn định và lâu dài, cụ thể:

TT	Nguyên liệu sản xuất	Nguồn cung cấp	Khối lượng (tấn/năm)
1	Hạt nhựa nguyên sinh PP (copolymers)	Hà Lan, Bỉ	422
2	Hạt nhựa nguyên sinh PP	Đức, Ý	623
3	Hạt nhựa nguyên sinh LDPE	Hà Lan, Đức, Ý, Ba Lan	300
4	Hạt nhựa nguyên sinh EVA	Ý, Tây Ban Nha	300
5	Hạt nhựa nguyên sinh màu đen	Đức	0,8
6	Chất chịu nhiệt	Đức	0,8
7	Chất độn (nhựa)	Đức	0,4
Tổng cộng			1.647

- Riêng đối với vải Cotton dập kim (vải nỉ) sẽ được cung cấp từ Đức và khối lượng đáp ứng sản xuất hàng năm của nhà máy là: 17-90m²/năm.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án

2.1. Các nguồn gây tác động của Dự án liên quan đến chất thải

- Trong giai đoạn thi công xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị: bụi, khí thải do hoạt động của phương tiện vận chuyển, tập kết nguyên vật liệu xây dựng và hoạt động thi công đào móng, xây dựng công trình, lắp đặt máy móc, thiết bị; nước thải sinh hoạt của công nhân, nước thải từ hoạt động thi công xây dựng, nước mưa chảy tràn, CTR xây dựng từ quá trình thi công xây dựng, CTR sinh hoạt từ quá trình sinh hoạt của công nhân, CTNH từ máy móc, thiết bị thi công.

- Trong giai đoạn hoạt động: bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên liệu, bốc dỡ nguyên liệu, sản phẩm và giao thông đi lại của cán bộ công nhân viên; mùi nhựa, nhiệt thừa từ dây chuyền sản xuất; bụi từ dây chuyền tái chế sản phẩm lỗi; nước thải sinh hoạt của công nhân viên; nước mưa chảy tràn; CTR sinh hoạt, CTR sản xuất, CTNH từ hoạt động của Dự án.

2.2. Các nguồn gây tác động của Dự án không liên quan đến chất thải

- Trong giai đoạn thi công xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị: tác động của tiếng ồn, độ rung của phương tiện, máy móc thi công xây dựng; tác động đến giao thông, an ninh trật tự trong khu vực; tác động đến các nhà máy liền kề và xung quanh Dự án; các sự cố tai nạn lao động, giao thông, cháy nổ.

- Trong giai đoạn hoạt động: tác động của tiếng ồn, độ rung, nhiệt thừa từ máy móc, thiết bị dây chuyền sản xuất, phương tiện vận chuyển ra vào dự án; tác động đến giao thông, an ninh trật tự trong khu vực; các sự cố cháy nổ, tai nạn

lao động, thiên tai, đình công, sự cố hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Trong giai đoạn thi công xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị: bụi, khí thải có chứa các thành phần ô nhiễm SO_2 , NO_x , CO.

+ Phạm vi tác động: tại khu vực thực hiện Dự án và dọc 2 bên tuyến đường vận chuyển;

+ Đối tượng tác động: công nhân trực tiếp lao động tại công trường, các nhà máy liền kề và xung quanh dự án và các hộ dân sống dọc 2 bên tuyến đường vận chuyển, mỹ quan khu vực;

+ Thời gian tác động: trong thời gian thi công xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị;

+ Mức độ tác động: trung bình.

- Trong giai đoạn hoạt động: bụi, khí thải có chứa các thành phần ô nhiễm SO_2 , NO_x , CO từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, bốc dỡ nguyên liệu, sản phẩm và hoạt động giao thông đi lại của công nhân viên; mùi nhựa, nhiệt thừa từ dây chuyền sản xuất; bụi từ dây chuyền tái chế sản phẩm lỗi.

+ Phạm vi tác động: khu vực Dự án và dọc tuyến đường vận chuyển kết nối Dự án;

+ Đối tượng tác động: công nhân viên làm việc tại nhà máy; người dân, các nhà máy nằm dọc tuyến đường vận chuyển kết nối Dự án;

+ Thời gian tác động: trong suốt quá trình hoạt động Dự án;

+ Mức độ tác động: nhỏ.

2.4. Quy mô, tính chất của nước thải

- Trong giai đoạn thi công: nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng $2,25\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm với thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng (N, P), dầu mỡ và vi sinh vật và nước thải thi công xây dựng, nước rửa xe khoảng $10,1\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm với thành phần chủ yếu có tính kiềm, chứa đất cát, cặn lơ lửng, vụn bê tông, dầu mỡ.

+ Phạm vi tác động: tại khu vực thực hiện Dự án và khu vực lân cận;

+ Đối tượng tác động: môi trường đất, hệ thống thoát nước của KCN Tam Thăng 2, nước mặt nguồn tiếp nhận;

+ Thời gian tác động: trong thời gian thi công xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị;

+ Mức độ tác động: lớn.

- Trong giai đoạn hoạt động: lượng nước thải sinh hoạt của công nhân viên (nhà vệ sinh, rửa tay chân, dự án không nấu ăn mà đặt suất ăn công nghiệp) có lưu lượng ước tính khoảng $5,45\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm. Tính chất của nước thải sinh hoạt

bao gồm các thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, TSS, Nitơ, tổng P, các chất hoạt động bề mặt, Coliform.

- + Phạm vi tác động: khu vực Dự án và khu vực lân cận;
- + Đối tượng tác động: môi trường đất, không khí, hệ thống thoát nước của KCN Tam Thăng 2 và nước mặt nguồn tiếp nhận;
- + Thời gian tác động: trong suốt quá trình hoạt động Dự án;
- + Mức độ tác động: lớn.
- Trong giai đoạn hoạt động của Dự án không phát sinh nước thải sản xuất.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải rắn (CTR)

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: bao gồm phế thải phát sinh từ các hoạt động xây dựng như: bao bì đựng vật liệu xây dựng, các loại vật liệu dư thừa như cát, đá, xi măng, bê tông rơi vãi, ván gỗ, dây điện, gạch vỡ, ván cốppha hỏng,... với khối lượng khoảng 138,5kg/ngày và CTR sinh hoạt khoảng 25kg/ngày.

- + Phạm vi tác động: tại khu vực thực hiện Dự án;
- + Đối tượng tác động: môi trường đất tại vị trí xả thải, không khí khu vực dự án, hệ thống thoát nước KCN Tam Thăng 2 và nguồn tiếp nhận, mỹ quan khu vực dự án;
- + Thời gian tác động: trong thời gian thi công xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị;
- + Mức độ tác động: trung bình.

- Trong giai đoạn hoạt động: CTR sản xuất phát sinh từ dây chuyền sản xuất gồm sản phẩm hỏng, nhựa thừa không tái sử dụng được, bao bì, giấy,... có khối lượng ước tính 92kg/ngày và CTR sinh hoạt khoảng 110kg/ngày.

- + Phạm vi tác động: khu vực Dự án;
- + Đối tượng tác động: môi trường đất tại vị trí xả thải, không khí khu vực dự án, hệ thống thoát nước KCN Tam Thăng 2 và nguồn tiếp nhận, mỹ quan khu vực nhà máy;
- + Thời gian tác động: trong suốt quá trình hoạt động Dự án;
- + Mức độ tác động: trung bình.

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH)

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: chủ yếu là dầu nhớt thải từ các phương tiện thi công cơ giới và giẻ lau nhiễm dầu, thùng chứa dầu với khối lượng ước tính khoảng 5kg/ngày.

- + Phạm vi tác động: tại khu vực thực hiện Dự án;
- + Đối tượng tác động: môi trường đất tại vị trí xả thải, không khí khu vực dự án, hệ thống thoát nước KCN Tam Thăng 2 và nguồn tiếp nhận, mỹ quan khu

vực dự án;

+ Thời gian tác động: trong thời gian thi công xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị;

+ Mức độ tác động: trung bình.

- Trong giai đoạn hoạt động: chủ yếu là giặt lau máy móc dính dầu, hộp đựng mực in thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng,...ước tính khoảng 5,5kg/ngày.

+ Phạm vi tác động: tại khu vực Dự án;

+ Đối tượng tác động: môi trường đất tại vị trí xả thải, không khí khu vực dự án, hệ thống thoát nước KCN Tam Thăng 2 và nguồn tiếp nhận, mỹ quan khu vực nhà máy;

+ Thời gian tác động: trong suốt quá trình hoạt động Dự án;

+ Mức độ tác động: trung bình.

2.7. Quy mô, tính chất tác động của tiếng ồn, độ rung, nhiệt thừa

- Trong giai đoạn thi công xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động phương tiện vận tải, thiết bị máy móc thi công.

+ Phạm vi tác động: tại khu vực thực hiện Dự án;

+ Đối tượng tác động: công nhân làm việc tại công trường;

+ Thời gian tác động: trong thời gian thi công xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị;

+ Mức độ tác động: trung bình.

- Trong giai đoạn hoạt động: tiếng ồn, độ rung chủ yếu do hoạt động máy móc, thiết bị sản xuất, phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy; nhiệt thừa phát sinh từ công đoạn máy đun, máy cắt, máy in laser và quá trình hoạt động làm việc của công nhân viên, khí hậu nắng nóng làm tăng thêm nhiệt thừa.

+ Phạm vi tác động: tại khu vực Dự án;

+ Đối tượng tác động: công nhân viên làm việc tại nhà máy;

+ Thời gian tác động: trong suốt quá trình hoạt động Dự án;

+ Mức độ tác động: trung bình.

2.8. Quy mô, tính chất của tác động giao thông, an ninh trật tự, các sự cố, rủi ro

- Trong giai đoạn thi công xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị: làm tăng nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông, chất lượng của tuyến đường vận chuyển, tình hình an ninh trật tự khu vực; sự cố tai nạn lao động, sự cố thiên tai,...

- Trong giai đoạn hoạt động:

+ Làm tăng nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông, tình hình an ninh trật tự khu vực;

- + Góp phần giải quyết nhu cầu lao động tại địa phương, tăng ngân sách nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương;
- + Sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, công nhân đình công, sự cố thiên tai, hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

3.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị

a) Về xử lý bụi và khí thải:

- Thực hiện che chắn tạm thời xung quanh khu đất dự án bằng tôn với chiều cao tối thiểu là 2m.
- Ưu tiên thi công trước tường rào xung quanh.
- Thường xuyên quét dọn, thu gom đất cát rơi vãi hằng ngày và vào những ngày hanh khô hoặc có gió lớn, tiến hành phun nước tạo độ ẩm trên mặt đất tại các khu vực: đào móng, tập kết nguyên vật liệu xây dựng và khu vực xe vận chuyển ra vào và tuyến đường vận chuyển trong KCN đoạn kết nối dự án trong bán kính 1km với tần suất 03 lần/ngày (sáng, trưa, chiều).
- Với các bãi chứa vật liệu xây dựng như cát, đá được thiết kế để nơi khuất gió, nếu không thể đặt nơi khuất gió thì khi không thi công phải tiến hành phủ bạt kín.
- Bố trí vị trí rửa xe sau khi ra khỏi công trường.
- Vận hành máy móc đúng quy trình kỹ thuật, hoạt động đúng công suất và bảo dưỡng định kỳ.
- Các phương tiện, máy móc phục vụ thi công phải được đăng kiểm, đủ điều kiện hoạt động theo quy định.

b) Về xử lý nước thải:

- Đối với nước thải xây dựng: phần lớn thấm vào vật liệu xây dựng, môi trường đất. Lượng nước thải do rửa bánh xe sẽ được thu gom, lắng cặn tại hố lắng có kích thước: 3,14m×2m×1,2m được đặt tại khu vực cổng ra vào để lắng cặn, phần nước ra sử dụng để tưới đường giao thông nội bộ để giảm thiểu bụi hoặc dùng lại cho quá trình thi công xây dựng.
- Đối với nước thải sinh hoạt: sử dụng 02 nhà vệ sinh di động để thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân, sau khi kết thúc thi công thuê đơn vị có chức năng hút bùn cặn, tháo dỡ công trình và hoàn trả mặt bằng.

c) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR, CTNH:

- Thu gom, xử lý CTR thông thường:
 - + CTR xây dựng: thực hiện thu gom, phân loại để có biện pháp xử lý thích hợp; khối lượng đất đào đắp cân bằng trong khuôn viên dự án, phần đất thải bỏ được tận dụng đổ vào khu vực trồng cây; sắt thép vụn, bao bì xi măng được thu gom để bán phế liệu; đá, gạch vỡ được tận dụng để san nền tại chỗ; gỗ cọt pha

được tái sử dụng. Những chất thải không tận dụng được sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý;

+ CTR sinh hoạt: bố trí công nhân thu gom rác thải hằng ngày tập kết kho chứa tạm thời tại công trường (diện tích khoảng 25m², kết cấu lắp dựng bằng tôn, nền đổ bê tông, có rãnh thu gom và thoát nước). Hợp đồng với đơn vị chức năng đến vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Thu gom, xử lý CTNH: thu gom, phân loại, lưu chứa tại kho chứa CTNH tạm thời trên công trường (diện tích khoảng 15m², kết cấu lắp dựng bằng tôn, nền đổ bê tông, có rãnh thu gom và thoát nước). Hợp đồng đơn vị chức năng thu gom và xử lý.

3.2. Trong giai đoạn hoạt động

a) Về xử lý bụi, khí thải:

- Khu vực đường nội bộ nhà máy thường xuyên được vệ sinh hằng ngày và phun nước tưới ẩm vừa làm giảm bụi, vừa làm giảm bức xạ nhiệt từ mặt đường trong mùa nắng nóng.

- Thường xuyên thực hiện công tác vệ sinh nhà xưởng sau mỗi ngày làm việc nhằm hạn chế sự phát tán của bụi rơi vãi trên nền nhà xưởng vào không khí.

- Phân xưởng của nhà máy sẽ bố trí hệ thống cửa sổ, cửa ra vào, hệ thống quạt thông gió trên mái và xung quanh đảm bảo nhà xưởng tương đối thông thoáng.

- Các khu đất trống, nhà vệ sinh được dọn dẹp, rác sẽ được chứa trong các thùng chứa rác có nắp đậy và bố trí vào kho chứa rác.

- Trồng cây xanh – thảm cỏ trong khuôn viên nhà máy.

- Các phương tiện vận chuyển khi ra vào dự án phải giảm tốc độ, thường xuyên kiểm tra tình trạng máy móc của phương tiện.

b) Về xử lý mùi và nhiệt thừa từ hoạt động sản xuất:

- Sử dụng nguyên liệu sạch (hạt nhựa nguyên sinh), có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng.

- Áp dụng công nghệ sản xuất hiện đại (gia nhiệt trong buồng kín, cách nhiệt) có bộ phận làm mát được tích hợp bên trong máy đùn.

- Xây dựng nhà xưởng thông thoáng, bố trí cửa sổ xung quanh nhà xưởng. Bố trí thiết kế lắp đặt quạt thông gió nhà xưởng trên mái tất cả các phân xưởng với khoảng cách 10m/cái và bố trí quạt thổi gần tường hoặc quạt đứng công nghiệp tại khu vực bố trí các máy móc thiết bị sản xuất và kho chứa nguyên vật liệu khoảng cách 5-7m/cái. Bố trí 04 quạt thông gió tại các vị trí như: khu vực nhà vệ sinh, kho chứa chất thải rắn, CTNH hạn chế phát sinh mùi.

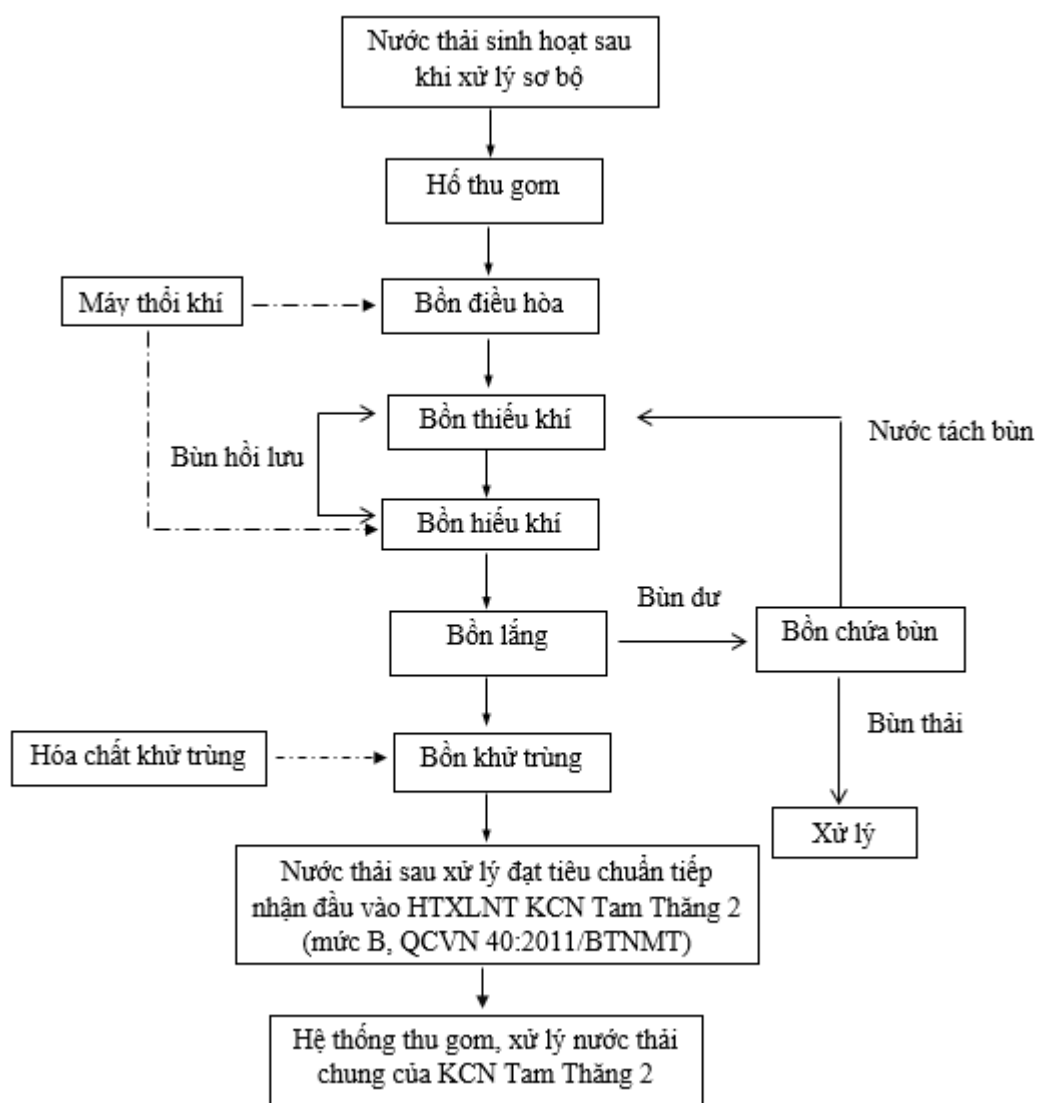
- Trang bị đồ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại nhà máy.

c) Về xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh, nước rửa tay chân được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn.

+ Tổng thể tích xây dựng bể tự hoại 03 ngăn là 13m^3 nhằm đảm bảo thu gom, xử lý hoàn toàn nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án;

+ Nước thải sau xử lý sơ bộ được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung cục bộ của nhà máy để xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đầu vào của trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Tam Thăng 2 (mức B, QCVN 40:2011/BTNMT) và đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải KCN, sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Tam Thăng 2 để xử lý trước khi xả thải ra môi trường. Công suất hệ thống xử lý nước thải tập trung cục bộ của nhà máy: $Q_{tk} = 8\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ (hệ số $k = 1,5$). Sơ đồ công nghệ như sau:



Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung cục bộ của nhà máy

- Nước mưa chảy tràn: được thu gom vào hệ thống thoát nước mưa của Dự án, dọc các tuyến cống được bố trí các hố ga và song chắn rác để thu gom và lắng cặn, sau đó thoát vào mạng lưới thoát nước mưa chung của KCN Tam Thăng 2.

d) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR:

- CTR sinh hoạt: bố trí các thùng rác thu gom, phân loại và chuyển vào kho chứa rác sinh hoạt với diện tích khoảng 16m², kho có kết cấu tường xây gạch, có mái che bằng tôn, nền bê tông chống thấm, xung quanh có mương thoát nước, hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom đưa đi xử lý theo quy định.

- CTR sản xuất: được thu gom, phân loại tái sử dụng làm nguyên liệu đầu vào của quy trình sản xuất tại Dự án, phần còn lại được thu gom hằng ngày vào các bao bì chứa để tập trung về kho chứa chất thải rắn sản xuất với diện tích khoảng 16m², kho có kết cấu tường xây gạch, có mái che bằng tôn, nền bê tông chống thấm, xung quanh có mương thoát nước, hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom xử lý theo quy định.

e) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH:

CTNH được thu gom vào các thùng chứa và lưu giữ tạm thời tại kho chứa CTNH của Dự án, với diện tích khoảng 16m², kho có kết cấu tường xây gạch, có mái che bằng tôn, nền đổ bê tông và tráng chống thấm, có bố trí hệ thống thu gom và thoát nước, có dán nhãn mác theo quy định, hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom xử lý theo quy định.

f) Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, ô nhiễm nhiệt và ô nhiễm khác:

- Thiết kế nhà xưởng thông thoáng, có cửa thông gió xung quanh. Bố trí thiết kế lắp đặt quạt thông gió nhà xưởng trên mái tất cả các phân xưởng với khoảng cách 10m/cái và bố trí quạt thổi gần tường hoặc quạt đứng công nghiệp tại khu vực bố trí các máy móc thiết bị sản xuất và kho chứa nguyên vật liệu khoảng cách 5-7m/cái nhằm tăng cường khả năng thông gió, làm giảm nhiệt độ và độ ẩm trong xưởng sản xuất.

- Thường xuyên kiểm tra bảo trì các loại máy móc, thiết bị sản xuất. Lắp đặt đệm và lò xo chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn.

- Trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động đồng thời giám sát việc sử dụng các dụng cụ bảo hộ trong quá trình làm việc.

- Trồng cây xanh để cải thiện các điều kiện vi khí hậu trong khuôn viên Dự án.

g) Giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội khu vực:

- Ưu tiên tuyển dụng nhân sự địa phương.

- Công ty chấp hành nghiêm chỉnh các nội quy, quy định trong công tác giữ gìn an ninh trật tự tại địa phương, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng tại địa phương để có biện pháp quản lý hữu hiệu nhằm đảm bảo an ninh trật tự khu vực.

- Quán triệt các cán bộ nhân viên làm việc tại nhà máy có hành vi ứng xử văn hóa, văn minh.

- Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ, thân thiết với chính quyền và người dân địa phương để nhận được sự đồng tình, ủng hộ từ phía cộng đồng dân cư.

- Đóng góp đầy đủ các khoản thuế và lệ phí theo quy định vào ngân sách Nhà nước và địa phương.

h) Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường:

- Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy, nổ, chập điện:

+ Xây dựng phương án phòng chống cháy nổ, nội quy, quy định an toàn phòng cháy chữa cháy của nhà máy;

+ Trang bị và lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống báo cháy tại các khu vực;

+ Trang bị đầy đủ các phương tiện chữa cháy tại chỗ: bể chứa nước cứu hỏa, các dụng cụ chữa cháy, bình dập lửa bằng khí CO₂. Các phương tiện phòng cháy chữa cháy được kiểm tra bảo dưỡng định kỳ và luôn ở trong tình trạng sẵn sàng;

+ Xây dựng bể chứa nước cứu hỏa với dung tích 767m³, phía trước các nhà kho, nhà xưởng, văn phòng bố trí các họng cứu hỏa tại các điểm thuận lợi cho xe chuyên dụng lấy nước khi có sự cố cháy nổ, hỏa hoạn.

- Phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Tam Thăng 2 và sự cố đường ống thu gom nước thải, xử lý nước thải tại dự án:

+ Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Tam Thăng 2 bị sự cố, sau khi nhận được thông báo công ty sẽ thực hiện biện pháp dừng hoạt động tạm thời, yêu cầu các công nhân hạn chế làm phát sinh nước thải;

+ Đường ống công nghệ, hệ thống điện động lực và điều khiển của từng hạng mục được thiết kế độc lập, đảm bảo khi tiến hành tháo lắp, sửa chữa thiết bị hư hỏng không làm ảnh hưởng đến các thiết bị khác;

+ Xây dựng quy trình vận hành trạm xử lý nước thải hợp lý, đảm bảo thông tin trong quá trình vận hành được kết nối thông suốt từ nhân viên vận hành đến bộ phận quản lý;

+ Trong quá trình vận hành tổ chức vệ sinh, bảo dưỡng thiết bị định kỳ để kịp thời phát hiện và xử lý các dấu hiệu có khả năng dẫn đến xảy ra sự cố.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án, gồm:

STT	Danh mục công trình	Đơn vị tính	Số lượng
I	Giai đoạn thi công		
1	Nhà vệ sinh di động	Cái	02
2	Hố lắng kích thước 3,14m×2m×1,2m	Cái	01
3	Kho lưu giữ tạm thời CTR thông thường	Cái	01
II	Giai đoạn hoạt động		

STT	Danh mục công trình	Đơn vị tính	Số lượng
1	Hệ thống thông gió nhà xưởng	Hệ thống	01
2	Hệ thống thu gom, thoát nước mưa	Hệ thống	01
3	Hệ thống thu gom, thoát nước thải	Hệ thống	01
4	Hệ thống xử lý nước thải	Hệ thống	01
5	Kho chứa CTR sinh hoạt	m ²	16
6	Kho chứa CTR sản xuất	m ²	16
7	Kho chứa CTNH	m ²	16
8	Cây xanh	m ²	2.238,2

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

a) Giám sát môi trường không khí:

- Các thông số giám sát: vi khí hậu, bụi PM10, bụi lơ lửng, SO₂, NO₂, CO, tiếng ồn.

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại khu vực thi công nhà máy.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu nơi làm việc.

b) Giám sát CTR thông thường, CTNH:

- Giám sát: khối lượng, công tác thu gom, tập kết CTR sinh hoạt, CTR xây dựng, CTNH tại dự án.

- Tần suất giám sát: thường xuyên.

- Tiêu chuẩn so sánh: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

5.2. Giai đoạn hoạt động

a) Giám sát nước thải:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí đầu ra sau xử lý, tại hồ ga đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN.

- Thông số giám sát: theo điều kiện đầu nối nước thải nêu trong văn bản thỏa thuận với Chủ đầu tư KCN Tam Thăng 2.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: theo điều kiện đầu nối nước thải nêu trong văn bản thỏa thuận với Chủ đầu tư KCN Tam Thăng 2.

b) Giám sát CTR thông thường, CTNH:

- Giám sát khối lượng CTR phát sinh trên toàn bộ dự án.

- Thực hiện phân loại, thu gom các loại CTR sinh hoạt, CTR sản xuất, CTR nguy hại theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

- Định kỳ chuyển giao CTR sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

6. Trách nhiệm của Chủ dự án

- Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động dự án.

- Tuân thủ các yêu cầu về phòng ngừa, ứng cứu sự cố, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động, an toàn hóa chất trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Tất cả các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu được sử dụng trong dự án đều không thuộc danh mục cấm sử dụng ở Việt Nam theo quy định hiện hành.

- Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Tam Kỳ để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 của năm trước để theo dõi, giám sát và thực hiện đầy đủ chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Số liệu giám sát phải được cập nhật đầy đủ và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, đánh giá diễn biến về chất lượng môi trường của khu vực.

- Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi bắt đầu vận hành thử nghiệm ít nhất 20 (hai mươi) ngày làm việc. Thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải từ 03 (ba) đến 06 (sáu) tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm. Sau khi kết thúc thời gian vận hành thử nghiệm phải thông báo kết quả hoàn thành về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường

để được theo dõi, giám sát.

- Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời gian vận hành thử nghiệm 30 (ba mươi) ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vận hành chính thức.

- Trong quá trình triển khai dự án, Chủ dự án có những thay đổi quy định tại khoản 2, Điều 26, Luật Bảo vệ môi trường thuộc các trường hợp được quy định cụ thể tại điểm 4, khoản 7, Điều 1, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ phải có văn bản báo cáo gửi UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận về môi trường của UBND tỉnh.

7. Các điều kiện liên quan kèm theo

- Thiết kế cơ sở và các công trình bảo vệ môi trường trong thiết kế cơ sở của Dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

- Chủ dự án chịu trách nhiệm về công tác an toàn về xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và công tác bảo vệ môi trường trong quá trình chuẩn bị, triển khai, xây dựng và vận hành dự án; tuân thủ nghiêm các quy định của UBND tỉnh, các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước.

- Thu gom, phân loại và xử lý toàn bộ chất thải rắn phát sinh đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường, an toàn và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để giảm thiểu bụi, tiếng ồn trong quá trình thi công và vận hành dự án.

- Xây dựng, đầu nối và vận hành hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải vào hệ thống thoát nước của KCN Tam Thăng 2 đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

- Có các biện pháp kỹ thuật an toàn và môi trường phù hợp nhằm giảm thiểu tác động của dự án tới các hoạt động giao thông đường bộ; có các biện pháp cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông bị ảnh hưởng bởi việc thực hiện dự án; thực hiện nghiêm túc chiều cao xây dựng, các yêu cầu về an ninh, quốc phòng; không làm ảnh hưởng đến các hoạt động cứu hộ, cứu nạn, tới các di tích văn hóa, các hoạt động du lịch trong khu vực.

- Tiến hành trồng cây xanh trong khuôn viên dự án song song với quá trình thi công xây dựng; đảm bảo tỷ lệ cây xanh tối thiểu đạt quy định của quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

- Lập và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng

phó sự cố môi trường cho Dự án; tuân thủ các quy định của pháp luật về chất lượng cấp nước sinh hoạt, an toàn hóa chất, tài nguyên nước và các quy phạm kỹ thuật trong quá trình thực hiện Dự án.

- Đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường của Việt Nam và Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường, đảm bảo các cam kết như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường./.